

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-PT

Ngày: 16 - 4 - 2020.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh

2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2020/TLPT-DS ngày 02/01/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐ-PT ngày 24/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Buôn B, xã M, huyện C, tỉnh Đăk Lăk (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Thanh Q1, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường A, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt).

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Trương Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn H, xã Q2, huyện C, tỉnh Đăk Lăk (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1976; địa chỉ: Hẻm A đường TR, phường E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ngọc TH, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn H, xã Q2, huyện C, tỉnh Đăk Lăk (Bà TH có đơn từ chối tham gia tố tụng).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Q.
NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Trong thời gian từ ngày 22/4/2017 đến ngày 21/6/2017 giữa ông Trương Q và bà Mai Thị T có tiến hành các giao dịch dân sự là ông Q gửi tiêu và vay tiền, cụ thể:

- Ngày 22/4/2017 ông Q gửi 4.388,5kg tiêu và vay 300.000.000 đồng, việc gửi tiêu và nhận tiền là do con dâu ông Q là bà Phạm Thị Ngọc TH thực hiện, lãi suất thỏa thuận của khoản vay này là 1,5%/tháng/số tiền vay.

- Ngày 19/5/2017 vay 200.000.000 đồng do ông Trương Q vay, lãi 1,5%/số tiền vay/tháng.

- Ngày 21/6/2017 ông Q gửi 3.529,7kg tiêu và vay 150.000.000 đồng. Ngoài ra, năm 2016 ông Q có gửi 3.385kg tiêu nhưng do nhầm lẫn nên bà T đã viết gửi cũ 2015.

Vậy tổng số tiền ông Q vay của bà T là 650.000.000 đồng và tổng số tiêu gửi là 11.303,2kg, cả 3 lần giao dịch đều ghi trong 01 tờ giấy. Đối với số tiêu ông Q đã gửi thì bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Q tính giá tiêu để xử lý khoản tiền vay nhưng ông Q chưa tính.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả số tiền vay gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức 1,5%/nợ gốc/tháng kể từ ngày vay cho đến khi ông Q trả hết nợ. Đối với số tiêu 11.303,2kg mà ông Q đã gửi thì khi nào ông Q có nhu cầu lấy tiền thì bà T sẽ tính theo giá thị trường.

Việc phía bị đơn cho rằng ông Q có gửi 18.149,8kg tiêu cho bà T là không đúng, mà thực tế chỉ có 11.303,2kg như đã ghi trong giấy.

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Trương Q và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân P trình bày:**

Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện, vì mối quan hệ giữa nguyên đơn với bị đơn là quan hệ kinh doanh thương mại giữa một bên là Công ty TNHH MTV T do bà Mai Thị T là người đại diện theo pháp luật và ông Trương Q là đại diện hộ kinh doanh thực hiện, hai bên có quan hệ kinh doanh mua bán từ lâu nên bị đơn đã có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, cụ thể:

- Ông Trương Q thừa nhận có tạm ứng tiền bán tiêu của bà Mai Thị T là 650.000.000 đồng và số tiêu đã gửi cho bà T là 18.149,8kg tiêu tương ứng với 2.263.138.000 đồng nhưng chưa lấy tiền nên đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T và bà Mai Thị T phải liên đới trả cho ông Trương Q số tiền mua tiêu còn nợ là (2.263.138.000 đồng - 650.000.000 đồng) = 1.613.138.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 1,5%/tháng/số nợ trong các lần giao dịch:

+ Ngày 31/12/2015: Gửi cho bà T 3.385,0kg tiêu (168.000đ/kg), thành tiền: 568.000.000 đồng.

+ Ngày 31/12/2016: Gửi cho bà T 3.385,0kg tiêu (150.000đ/kg), thành tiền: 507.750.000 đồng.

+ Ngày 22/4/2017: Gửi cho bà T 4.388,6kg tiêu (135.000đ/kg), thành tiền: 592.447.500 đồng.

+ Ngày 21/6/2017: Gửi cho bà T 3.529,7kg tiêu (85.000đ/kg), thành tiền: 300.024.500 đồng.

+ Ngày 21/6/2017: Gửi cho bà T 3.461,6kg tiêu (85.000đ/kg), thành tiền: 294.236.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng: 18.149,8kg tiêu tương ứng với 2.263.138.000 đồng, bà T đã trả 650.000.000 đồng và còn nợ ông Q là 1.613.138.000 đồng nên Công ty TNHH MTV T và bà Mai Thị T phải liên đới trả cho ông Q.

*** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc TH trình bày:**

Bà là con dâu của ông Q, bà xác định có tham gia giao tiêu cho bà Mai Thị T, tuy nhiên thời điểm giao tiêu hay nhận tiền thì bà không nhớ cụ thể. Hầu hết khi giao tiêu và nhận tiền thì không có ký nhận giấy tờ gì nên từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b, c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T.

Buộc ông Trương Q phải trả cho bà Mai Thị T tổng số tiền là 982.462.500 đồng (trong đó nợ gốc là 650.000.000 đồng, nợ lãi là 332.462.500 đồng).

Do nhầm lẫn trong tính toán, tại Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 09/2019/QĐ-SCBSBA ngày 22/11/2019 là buộc ông Trương Q phải trả cho bà Mai Thị T tổng số tiền là 940.175.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 290.175.000 đồng).

Ông Trương Q phải tiếp tục chịu lãi suất mức 1.5%/tháng/nợ gốc theo thỏa thuận giữa các bên kể từ ngày 25/10/2019 cho đến khi trả hết nợ.

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại 18.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013760 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ông Trương Q phải chịu 41.473.875 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Sung công quỹ Nhà nước 30.179.070 đồng tiền tạm ứng án phí ông Trương Q đã nộp (do ông Nguyễn Xuân P nộp thay) theo biên lai số AA/2017/0014131 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2019, bị đơn ông Trương Q kháng cáo với nội dung: Ông kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trương Q phải trả cho bà Mai Thị T với số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 290.175.000 đồng (Đã có Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm) là có căn cứ. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng với quy định của pháp luật, vì đã được tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ hai lần nhưng phía bị đơn vắng mặt. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Q được nộp trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ và được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Nguyên đơn bà Mai Thị T khởi kiện cho rằng trong thời gian từ ngày 22/4/2017 đến ngày 21/6/2017 bị đơn là ông Trương Q có vay tiền của bà Mai Thị T với tổng số tiền 650.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 22/4/2017 ông Q vay 300.000.000 đồng, ngày 19/5/2017 ông Q vay 200.000.000 đồng, ngày 21/6/2017 ông Q vay 150.000.000 đồng, khi vay hai bên thoả thuận lãi suất là 1,5%/nợ gốc/tháng và ông Q có gửi 11.303,2kg tiêu để đảm bảo cho khoản vay.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 22/04/2017 ông Q gửi tiêu 4388,5kg tiêu, vay 300.000.000 đồng, lãi 1,5 % và có chữ ký, chữ viết của bà Phạm Thị Ngọc TH (là con dâu của ông Q); ngày 19/5/2017 vay 200.000.000 đồng, lãi 1,5% ký tên ông Trương Q; ngày 21/6/2017 ông Q gửi tiêu 3529,7 kg tiêu vay 150.000.000 đồng, lãi 1,5%. Đồng thời, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp (BL 21 - bản phô tô) cũng có thể hiện nội dung về thời gian, số lượng tiêu gửi, số tiền đã nhận từ nguyên đơn như đã nêu trên. Mặt khác, ông Trương Q cũng xác định có nhận của bà Mai Thị T với tổng số tiền 650.000.000 đồng nhưng cho rằng đây là số tiền tạm ứng về việc bán tiêu, chứ không phải tiền vay. Như vậy, việc giao nhận tiền giữa hai bên là có thật và tổng số tiền hai bên giao nhận là 650.000.000 đồng.

Ông Q cho rằng số tiền nêu trên là số tiền mà ông Q tạm ứng của bà T khi gửi tiêu là không có cơ sở, bởi lẽ: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và bị đơn cung cấp đều thể hiện có chữ “Vay” đối với số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 22/04/2017, 200.000.000 đồng vào ngày 19/5/2017 và 150.000.000 đồng vào ngày 21/6/2017; đồng thời bà T không thừa nhận là số tiền tạm ứng mà xác định đây là số tiền vay như đã ghi trong tờ giấy, ngoài ra ông Q không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc tạm ứng tiền.

Đối với lãi suất, bà T xác định lãi suất hai bên thoả thuận của khoản vay 650.000.000 đồng là 1,5%/nợ gốc/tháng, còn ông Q thì xác định hai bên thoả thuận lãi suất 1,5%/tháng là lãi gửi tiêu nhưng có cơ sở xác định lãi 1,5% là của khoản tiền vay, vì số tiêu mà ông Q gửi để đảm bảo khoản vay tiền của bà T và số tiêu này chưa chốt giá nên chưa phát sinh lãi suất.

Như vậy, có căn cứ để xác định ông Q có vay tiền của bà T với số tiền là 650.000.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ và mức lãi suất 1,5%/tháng (tức là 18%/năm) là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, ông Q phải trả tiền lãi suất cho bà T 290.175.000 đồng của các khoản vay

300.000.000 đồng với lãi suất 137.250.000 đồng, 200.000.000 đồng với lãi suất 88.800.000 đồng và 150.000.000 đồng với lãi suất 64.125.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm buộc ông Q phải trả tiền lãi suất 332.462.500 đồng là không chính xác, do nhầm lẫn trong tính toán nên Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 09/2019/QĐ-SCBSBA ngày 22/11/2019. Như vậy, ông Trương Q có nghĩa vụ phải trả cho bà T với tổng số tiền là 940.175.000 đồng chứ không phải là 982.462.500 đồng.

Đây là việc tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân được thể hiện rõ tại giấy vay tiền, gửi tiêu, giữa các bên không có văn bản ký kết hợp đồng nên không phải tranh chấp giữa doanh nghiệp với đại diện hộ kinh doanh như ý kiến của phía bị đơn.

[2.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn và căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết, thì thấy: Ngày 26/8/2019 Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 39/2019/QĐXXST-DS (Bl số 67) để xét xử vụ án vào ngày 05/9/2019, cùng ngày Tòa án có Giấy triệu tập ông Nguyễn Xuân P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhưng Tòa án ghi không đúng địa chỉ nên ông P không nhận được và một số đương sự khác cũng vắng mặt nên ngày 05/9/2019 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS và mở lại phiên tòa vào ngày 07/10/2019 (BL số 71); Sau đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa này và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, cụ thể vào ngày 05/9/2019 Tòa án có niêm yết văn bản trên cho ông Trương Q (là bị đơn), bà Phạm Thị Ngọc TH (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, ngày 09/9/2019 niêm yết tại nhà ông Trương Q, địa chỉ: Thôn H, xã Q2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q2 có sự chứng kiến của cán bộ Tư pháp xã Q2 và bà N (Vợ ông Q) có nhận thay cho ông Q nhưng không ký vào biên bản (BL số từ 73 đến 77); đồng thời có gửi Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS cùng với Giấy triệu tập cho ông Nguyễn Xuân P (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) theo đúng địa chỉ của ông P tại Hẻm A đường TR, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thông qua đường Bưu điện nhưng Bưu điện trả lại và có ghi ở mặt sau của phong bì “người nhận từ chối nhận” (BL số 78). Do vào ngày 07/10/2019 ông Nguyễn Xuân P không có mặt nên Tòa án tiếp tục hoãn phiên tòa và có Thông báo mở lại phiên tòa số 08/TB-TA ngày 07/10/2019 (BL số 85) và mở lại phiên tòa vào ngày 24/10/2019; cùng ngày 07/10/2019 Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục niêm yết công khai và có lập biên bản tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tại nhà ông Q đang sinh sống và tại Ủy ban nhân dân xã Q2, huyện C (BL số 86 đến 91), có sự chứng kiến của cán bộ Tư pháp xã Q2; đồng thời, có lập biên bản về việc ông Trương Q từ

chối nhận Thông báo về việc mở lại phiên tòa và Giấy triệu tập. Mặt khác, vào ngày 10/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar có lập biên bản bàn giao Thông báo số 08/TB-TA về việc mở lại phiên tòa cho ông Nguyễn Xuân P và ông P đã ký nhận Thông báo trực tiếp. Nhưng đến ngày mở phiên tòa ngày 24/10/2019 phía bị đơn ông Trương Q và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Xuân P đều vắng mặt.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng về thủ tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật cho phía bị đơn hai lần đều hợp lệ nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với đơn yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải trả 1.613.138.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do đình chỉ đơn yêu cầu độc lập của ông Trương Q nên ông Q có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đồng thời do Tòa án cấp sơ thẩm cộng nhằm số tiền nên phải tính lại cho đúng, cụ thể: Ông Trương Q phải chịu: $36.000.000đ + 3\% \times (940.175.000đ - 800.000.000đ) = 40.205.250$ đồng (Tính tròn số là 40.205.000 đồng). Việc cộng nhằm số tiền của Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định đính chính.

+ Bà Mai Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà T được nhận lại số tiền 18.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013760 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

+ Sung công quỹ Nhà nước 30.179.070 đồng tiền tạm ứng án phí ông Trương Q đã nộp (do ông Nguyễn Xuân P nộp thay) theo biên lai số AA/2017/0014131 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn ông Trương Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Q.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T.

Buộc ông Trương Q có nghĩa vụ phải trả cho bà Mai Thị T với số tiền là 940.175.000 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 290.175.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Q về việc yêu cầu bà Mai Thị T phải trả 1.613.138.000 đồng (Một tỷ sáu trăm mười ba triệu một trăm ba mươi tám ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh.

Ông Trương Q có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Q phải nộp 40.205.000 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Mai Thị T số tiền 18.675.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013760 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Sung công quỹ Nhà nước 30.179.070 đồng (Ba mươi triệu một trăm bảy mươi chín ngàn không trăm bảy mươi đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà ông Trương Q đã nộp (do ông Nguyễn Xuân P nộp thay) theo biên lai số AA/2017/0014131 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trương Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông Trương Q đã nộp (do ông Nguyễn Xuân P nộp thay) theo biên lai thu số AA/2019/0004204

ngày 06/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, ông Q đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr